

SỬ DỤNG CÔNG CỤ DỰ TRỮ BẮT BUỘC TRÊN CƠ SỞ LÝ LUẬN NÀO?

VŨ NGỌC NHUNG

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc ra đời sau những cuộc "hoảng loạn ngân hàng" trong cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1932, một cuộc đại suy thoái kinh hoàng. Bây giờ dân chúng các nước có hiểu biết về ngân hàng nhiều hơn; nhà nước cũng biết cách bảo vệ các ngân hàng tốt hơn nên các cuộc phá sản một ngân hàng không dễ gì lây lan thành "hoảng loạn ngân hàng" cho cả hệ thống ngân hàng. Phải chăng vì thế mà công cụ dự trữ bắt buộc chỉ còn chức năng điều hòa tiền tệ?

Vừa qua ngân hàng T.V đã ngoan cường vượt qua cơn sóng gió nguy hiểm: hàng loạt người xếp hàng rút tiền gửi ra không cần hướng lái. Cuối cùng những người dân tưởng mình "nhàn chán" này đã bị thiệt vì tâm lý "hoảng loạn ngân hàng" của đầu thế kỷ. Ngân hàng T.V. chưa cần đến hàng chục tỷ đồng mà ngân hàng nhà nước và các ngân hàng bạn đã chuẩn bị sẵn cho mình vay. Cho nên để đảm bảo quyền lợi của người dân: khỏi những thiệt hại tâm lý đó, giúp cho các ngân hàng thương mại tránh được những cơn sóng gió không cần thiết, cần bàn lại về sử dụng công cụ dự trữ bắt buộc này.

Các sách giáo khoa về kinh tế học trước đây đều nói công cụ dự trữ bắt buộc có hai chức năng:

- Đảm bảo an toàn cho hệ thống ngân hàng và tiền gửi

- Điều tiết tiền tệ

Nhưng gần đây một số cuốn sách đã coi như chức năng đảm bảo an toàn cho tiền gửi và cho ngân hàng đang bị lu mờ dần. Từ thực tế ta thử bàn xem:

1. Về chức năng đảm bảo an toàn cho tiền gửi của dân và cho hệ thống ngân hàng thương mại

Qua vụ sóng gió ở ngân hàng T.V. vấn đề an toàn này đã nổi lên rõ rệt. Ngân hàng nhà nước đã mặc nhiên bỏ qua quan điểm đồng bằng tiền gửi dự trữ bắt buộc (nếu hiểu đồng bằng là để nằm chết ở quỹ ngân hàng TW), chuẩn bị ngay 10 tỷ để cho vay chống đỡ lại việc tiền gửi giảm đột ngột mặc dù chưa có một văn bản nào nói rõ về sử dụng tiền gửi dự trữ bắt buộc theo kiểu này.

Qua hội nghị ngành ngân hàng và hội thảo, cuối cùng Thống đốc ngân hàng nhà nước cũng đã kết luận trả lãi cho tiền gửi dự trữ bắt buộc và cho các ngân hàng nhập tiền gửi dự trữ bắt buộc vào tài khoản thanh toán và được rút ra khi cần thiết. Nhưng sau đó phải nộp lại cho đủ mức dự trữ bắt buộc được tính theo số dư bình quân hàng ngày. Như vậy các ngân hàng thương mại đã an tâm không còn lo khi tiền gửi giảm sút đột ngột vì chỉ việc rút tiền gửi dự trữ bắt buộc ra cho đủ tiền trả cho người gửi. Nếu sau này nộp không đủ có bị phạt nặng cũng như là vay ngân hàng TW với lãi suất cao.

Nhưng nếu tính toán kỹ sẽ có thể thấy cái lợi cái hại của hai cách làm sau:

(1) Cho vay khi tiền gửi giảm sút đột ngột với điều kiện không được dùng tiền vay này để tăng dự nợ.

(2) Cho rút tiền gửi thanh toán tại ngân hàng TW lẫn cả sang mức dự trữ bắt buộc khi tiền gửi giảm sút nhanh.

Ở đây cần xác định rõ, tiền gửi không chỉ giảm sút nhanh khi có sự cố như ngân hàng T.V vì ở ngân hàng này tiền gửi cũng chỉ giảm sút khoảng 10%. Trong thanh toán mở rộng như hiện nay chỉ cần vài ba khách hàng lớn chuyển khoản sang ngân hàng bạn mỗi người dăm mươi tỷ đồng là đủ giảm 10% tiền gửi. Về sơ đồ tiền gửi lên xuống hàng ngày cũng đủ thấy biên độ giao động khối tiền gửi của một ngân hàng có thể lên tới 20% - 25%.

Vậy giải pháp (1) có những ưu điểm rõ rệt sau:

- Có đủ tiền để tránh khát chi tiền mặt khi khách hàng rút tiền nhiều,

- Chỉ cần không đem tiền vay để làm tăng số dư nợ là có thể sử dụng tiền vay cho đến khi giảm dư nợ xuống ngang với mức tiền gửi bị giảm sút (hay tăng số dư tiền gửi lên ngang mức cũ)

- Ngân hàng nhà nước chủ động nắm được tình hình của ngân hàng thương mại đó, theo dõi được việc sử dụng vốn đúng mục đích và diễn biến của sự cố đó nếu là như trường hợp của ngân hàng T.V.

- Mức lãi suất vừa phải vì không phải là tiền phạt;

Trái lại, giải pháp (2): cách cho rút tự do vào cả mức dự trữ bắt buộc có những ưu điểm và nhược điểm sau:

- Ưu điểm:

- Có tiền nhanh vì không phải làm đơn xin vay,

- Không bị ràng buộc bởi các điều kiện vay vốn.

- Nhược điểm:

- Nếu rút đủ tiền theo nhu cầu sẽ bị phạt nặng. Ví dụ tổng tiền gửi là 250 tỷ, dự trữ bắt buộc là 25 tỷ, khách hàng đến rút 20 tỷ, nếu rút đủ 20 tỷ sau đó sẽ phải nộp lại 18,5 tỷ vì mức dự trữ bắt buộc mới là $\frac{(250 + 225)}{2} \times$

10% = 23,5 tỷ

Lãi suất phạt là 3,15%/tháng, trong khi nếu được vay theo giải pháp (1) chỉ phải trả lãi có 2,1%.

Rất khó xoay cho đủ tiền để nộp lại đủ, vì vậy thực chất chỉ được phép rút 1/10 nhu cầu.

2. Về chức năng điều tiết tiền tệ

Cơ sở lý luận của công cụ này vẫn dựa vào lý thuyết số nhân tạo tiền 10 lần đã bị các giáo sư ở chính các nước đó phê phán là thô sơ và ngây thơ và thực tế VN chứng minh là còn nhiều nghi vấn khoa học. Công thức số nhân tạo tiền đó được sao chép lại như sau:

Tiền gửi mới tạo ra = tiền gửi ban đầu x $\frac{1}{1}$

tỷ lệ dự trữ bắt buộc

Như vậy với tỷ lệ dự trữ bắt buộc 10% hiện nay, số nhân tạo tiền sẽ là:

$$\frac{1}{10\%} = \frac{1}{0,1} = 10 \text{ lần}$$

Về mặt đưa toán học vào kinh tế học, chúng ta cũng thấy ngay công thức này có nhiều điều chưa ổn như liệu đây tỷ lệ dự trữ bắt buộc lên cực đại hay xuống cực tiểu số nhân có thay đổi theo toán học đơn thuần không? Giả sử tỷ lệ dự trữ bắt buộc giảm xuống 1%, số nhân tạo tiền có tăng lên thành 50 lần không? Hay ngược lại muốn giảm số nhân xuống còn 2 lần liệu có thể đưa tỷ lệ dự trữ bắt buộc lên 50% không? Có lẽ khi tiếp thu một cái mới nào trong đầu tôi cũng nảy ra những câu hỏi cái và như vậy nên tôi thấy có cái gì đó chưa ổn. Ví dụ nâng tỷ lệ dự trữ bắt buộc lên 50% các ngân hàng sẽ sống sao?

Bảng chứng minh cho công thức này được lập ra như sau:

(theo *Kinh tế học* của P.A Samuelson và W.Nordhauss do Viện quan hệ quốc tế dịch và ấn hành năm 1989)

Ngân hàng	Tiền gửi mới	Dự trữ bắt buộc	Cho vay mới
NH ban đầu	1000,00	100,00	900,00(1)
NH thế hệ 2	900,00 (2)	90,00	810,00
NH thế hệ 3	810,00	84,00	720,00
NH thế hệ 4	729,00	72,90	656,10
NH thế hệ 5	656,10	65,61	590,59
NH thế hệ 6	590,49	59,05	531,44
NH thế hệ 7	531,44	53,14	487,30
NH thế hệ 8	478,30	47,83	430,47
NH thế hệ 9	430,47	43,05	387,42
NH thế hệ 10	387,42	38,74	348,68
Tổng của 10 thế hệ NH đầu	6.513,22	651,32	5871
Tổng của các thế hệ NH còn lại	3.846,78	384,68	3138,10
Tổng của toàn bộ hệ thống NH	10.000,00	1.000,00	9.000,00

Theo bảng này, chúng ta có thể thấy ngay những nghi vấn ở các điểm:

(1) Liệu giám đốc các ngân hàng có dám liều mạng vét sạch quỹ để cho vay cả 900 sau khi dự trữ bắt buộc 100? Từ câu hỏi này có thể thấy công thức trên đã quên mức dự trữ an toàn quỹ mà ngân hàng nào cũng phải lo gìn giữ.

(2) Liệu có phải toàn bộ 900 ngân hàng A cho vay ra có được chuyển khoản toàn bộ sang ngân hàng B không? Ở các nước cũng như VN ta không phải toàn bộ khách hàng vay vốn đều chuyển khoản vào tiền gửi trả cho người bán. Ở ta rất nhiều người còn vay ra bằng tiền mặt chứng tỏ còn yếu tố thứ hai tác động tới số nhân tạo tiền.

(3) Các ngân hàng ở mọi nước cũng như ở nước ta đều phải có số tiền dự trữ ở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng trung ương để thanh toán với các ngân hàng bạn. Như vậy ngoài tiền gửi dự trữ bắt buộc còn phải có khoản dự trữ đối ra.

(4) Tài khoản tiền gửi mới tạo ra các ngân hàng đều là tiền gửi không kỳ hạn vì vậy tỷ lệ sử dụng được rất thấp, khoảng 50%. Như vậy yếu tố thứ tư tác động tới số nhân tạo tiền là tỷ lệ sử dụng vốn không kỳ hạn.

(5) Giáo sư Llyod B.Thomas còn đưa ra thêm hai yếu tố:

t: tỷ lệ tiền gửi có kỳ hạn/tiền gửi không kỳ hạn (time - deposit ratio).

k: tỷ số lưu thông (currency ratio) so sánh giữa giấy bạc nằm trong dân chúng với tiền gửi không kỳ hạn.

Và ký hiệu tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng rr: (required reserve ratio), yếu tố (3) nói trên bằng re: (excess reserve).

Ở đây có sự trùng hợp trên con đường tìm ra chân lý: giáo sư P.J.Lehman ở Pháp cũng phát hiện ra yếu tố k, rr và re. Chỉ có sự khác biệt nhỏ là giáo sư P.J.Lehman so tiền gửi có kỳ hạn với tiền gửi dự bắt buộc và số dự trữ dư với số tiền gửi không kỳ hạn. Tôi cho điểm này có lý

hơn vì trong thực tế ngân hàng thương mại chỉ tạo được tiền gửi không kỳ hạn (chuyển thẳng từ tài khoản cho vay người mua vào tài khoản tiền gửi thanh toán của người bán).

Từ những phát hiện thêm 3 yếu tố tác động tới việc tạo tiền, giáo sư Llyod B.Thomas đã sắp xếp lại công thức tạo tiền như sau:

$$m1 = \frac{1 + k}{(r_r + r_e)(1 + t) + \text{khác}}$$

m1 là số nhân tạo tiền

Sau đó giáo sư đã so sánh với số nhân tạo tiền thô sơ và ngây thơ (naive) chỉ có $\frac{1}{r}$. Như vậy về mặt toán học

công thức có một yếu tố với công thức có nhiều yếu tố đúng như thực tế đã có đáp số rất khác nhau xa.

Với tỷ lệ dự trữ bắt buộc ở Mỹ là 8%, theo công thức thô sơ, số nhân tạo tiền là 12,5 lần (1/0,08) còn theo công thức đầy đủ 4 yếu tố tác động tới việc tạo tiền, giáo sư Thomas đã tính số nhân tạo tiền chỉ còn là 2,76 lần. Giáo sư còn bỏ công sức tính ra số m1 thực tế ở Mỹ từ năm 1962 tới 1980 giao động từ 2,95 xuống dần chỉ còn 2,3 lần tiền giữa năm 1980. Ở nước ta Ngân hàng trung ương cũng mới chính thức công bố trong báo cáo thường niên số nhân tạo tiền giao động từ 1,83.

Chính vì sử dụng công thức thô sơ không kiểm tra lại nên vừa qua Ngân hàng TW đã có ý định tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc lên cao hơn 10% để kiềm chế lạm phát. Tỷ lệ này ở các nước chỉ có 2 - 3%, ở ta là 10% đã quá cao nhưng sau khi chỉ số giá cả lên tới 11,4% vào 6 tháng đầu năm, Ngân hàng TW đã muốn nâng lên nữa. Điều may mắn là theo đề nghị của nhiều ngân hàng, Thống đốc ngân hàng nhà nước vẫn giữ nguyên tỷ lệ này và đã đưa thêm các khoản tiền gửi khác vào việc tính toán mức dự trữ bắt buộc. Đồng thời buộc các ngân hàng mới chỉ nộp 6 - 7% nộp cho đủ 10%. Như vậy thực tế vẫn là nâng cao hơn trước.

Như vậy, nếu không bị công thức tạo tiền thô sơ và "ngây thơ" làm cho rối trí, chúng ta sẽ có thể sử dụng các công cụ của chính sách tiền tệ một cách khoa học hơn. Muốn giải thoát con người bằng chủ nghĩa xã hội khoa học, Mác đã phải bỏ ra suốt cuộc đời để viết chưa xong cuốn *Tư bản luận*, Ăngghen phải tiếp tay viết tiếp, chẳng lẽ chúng ta không học tập Mác, có cái đầu biết suy nghĩ để kết hợp giữa lý luận Mác - Lênin với các lý thuyết kinh tế học của kinh tế thị trường hiện nay tạo dựng nên cơ sở lý luận cho việc quá độ lên chủ nghĩa xã hội bằng con đường kinh tế thị trường. Rất mong có sự trao đổi rộng rãi để tránh những thất bại tiền tệ quá đáng cản ngại tới tốc độ tăng trưởng kinh tế ■

ĐÍNH CHÍNH

Trong Tạp chí PTKT số 62 tháng 12/1995, bài "Đô thị hóa - ô nhiễm môi trường và vấn đề xác định hiệu quả các chi phí bảo vệ môi trường" trang 7 xin đọc lại như sau:

$$\sum_{i=1}^n E_i$$

- Cột 1, dòng 39 từ trên xuống: $E_{ke} = \frac{i=1}{K_0}$

- Cột 1, dòng 51 từ trên xuống: $k = \frac{K}{\Delta V} = \frac{K}{V_n - V_{cl}}$

trong đó, K: vốn đầu tư sinh thái

k: vốn đầu tư riêng

- Cột 2, dòng 24 từ trên xuống:

$$E_1 + E_2 + E_3 = P_1 + B(P_2 - P_1) + B_d V_t(P_2 - P_1) + (Z_{ng} B_{ng} D_{ng} + Z_n B_n D_n)$$

- Cột 2, dòng 44 từ trên xuống: V_t

- Cột 2, dòng 5 từ trên xuống: khoảng 20%

Xin cáo lỗi PTS.Phan Thúc Huân và độc giả.

PTKT

PHÁT TRIỂN KINH TẾ 33